TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS -PT
Ngày: 03/5/2019.
V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Khôi.
Các thẩm phán: - Ông Đinh Huy Lưỡng.
- Ông Nguyễn Tử Lượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2019/QĐPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966.
Địa chỉ: Số 15/181 Thành T, phường Đông T, thành phố T, tỉnh Thanh Hoá.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ 27, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Văn bản uỷ quyền ngày 08/01/2019.
- Bà Vũ Diệu Thuý, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số 1S, ngõ 2/6, tổ 18, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Tổ 27, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Văn bản uỷ quyền ngày 08/01/2019.
- Ông Hoàng H, sinh năm 1984.
Địa chỉ; Ngách 68/188, Nguyễn Văn L, tổ 13, phường Thạch B, quận L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 27, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội. Văn bản uỷ quyền ngày 11/01/2019.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần cảng N

Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Minh H, Địa chỉ: số 36A, Nguyễn Lương B, Ô Chợ Dừa, quận Đ, Thành phố Hà Nội và Bà Dương Thị T, Địa chỉ: Số 8, ngách 25/245, đường Nguyễn Công T, phố Ngọc S, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Văn bản uỷ quyền ngày 01/8/2018.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H.

Địa chỉ: Phòng 312, nhà K5, đô thị Việt Hưng, phường G, quận L, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Thanh H. Vắng mặt ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng H, bà bà vũ Diệu T, ông Nguyễn Mạnh H, bà Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn với nội dung:

Theo thông báo số 410/TCKT ngày 31/12/2011 của nay là Công ty cổ phần cảng N về việc huy động vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh, sau đó tổng giám đốc đã ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N ký hợp đồng vay tiền với những người sau:

1. Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông Nguyễn Văn T 4 lần với tổng số tiền vay là 700.000.000 đồng cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền số 48/2013/HĐTD, ngày 24/5/2013 Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên hợp đồng đối với số tiền nợ gốc chậm trả; Mục đích vay để thi công công trình, ông T nộp tiền mặt vào quỹ Chi nhánh Công ty thể hiện qua phiếu thu ngày 24/5/2013.

- Hợp đồng vay tiền số 71/2014/HĐTD, ngày 06/5/2014, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên số dư nợ gốc chậm trả. Ngày 06/5/2014 ông T chuyển tiền vào tài khoản của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N tại Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT quận L (thể hiện trên sổ phụ của Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT L in ngày 17/6/2014).

- Hợp đồng vay tiền số 79/2014/HĐTD ngày 18/9/2014, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông T số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 7,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên số dư nợ gốc chậm trả. Ngày

18/9/2014 ông T nộp tiền vào tài khoản của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N ở Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT quận L (việc nộp tiền vào tài khoản thể hiện trên sổ phụ Chi nhánh ngân hàng No&PTNT quận L in ngày 06/11/2014).

- Hợp đồng vay tiền số 076/2014/HĐTD ngày 22/7/2014, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông Thủy số tiền 200.000.000 đồng lãi suất cho vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trên số dư nợ gốc chậm trả. Ngày 22/7/2014 ông T chuyển tiền vào tài khoản của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N tại Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT quận L (Sổ phụ của Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT L in ngày 23/7/2014 thể hiện việc chuyển tiền).

Ngày 31/12/2015, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N có thư xác nhận số dư nợ đối với ông T nội dung: Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N nợ ông T tiền vay ngắn hạn là 300.000.000đồng, nợ tiền vay dài hạn là 400.000.000đ, nợ lãi là 29.163.551đồng.

2. Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay bà Vũ Diệu T số tiền là 300.000.000 đồng tại hợp đồng số 063/2014/HĐTD, ngày 03/01/2014 Lãi suất vay là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên số dư nợ gốc chậm trả. Ngày 03/01/2014 bà T chuyển tiền vào tài khoản của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N tại Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT T (việc chuyển tiền thể hiện trên sổ phụ của Chi nhánh Ngân hàng No&PTNT T in ngày 03/03/2014). Ngày 31/12/2015, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N có thư xác nhận nợ đối với bà T nội dung : Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N nợ bà T số tiền dài hạn là 300.000.000 đồng, nợ lãi là 23.919.471 đồng.

3. Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông Hoàng H 2 lần với tổng số tiền gốc là 80.000.000 đồng cụ thể:

- Hợp đồng vay tiền số 37/2013/HĐTD, ngày 04/02/2013 Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất vay là 13,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trên số dư nợ gốc chậm trả. Ông H nộp tiền mặt vào quỹ của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N thể hiện trên phiếu thu ngày 04/02/2013;

- Hợp đồng vay tiền số 44/2013/HĐTD, ngày 11/4/2013 Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông H số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 13,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trên số dư nợ gốc chậm trả. Ông H nộp tiền mặt vào quỹ của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N thể hiện ở phiếu thu ngày ngày 11/4/2013 .

Ngày 31/12/2015, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N có thư xác nhận công nợ nội dung: Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N nợ ông H số tiền ngắn hạn 80.000.000đồng, nợ tiền lãi là 14.667.300 đồng.

Nay ông S yêu cầu Công ty cổ phần cảng N trả nợ gốc cho ông Nguyễn Văn T là 700.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 31/12/2015 là 29.163.551đồng; Công ty cổ phần cảng N trả nợ gốc cho bà Vũ Diệu T là 300.000.000 đồng, trả nợ lãi cho bà T

tính đến ngày 31/12/2015 là 23.919.471 đồng; Công ty cổ phần cảng N trả nợ gốc cho ông Hoàng H là 80.000.000 đồng, trả nợ lãi cho ông Hoàng H tính đến ngày 31/12/2015 là 14.667.300 đồng.

Công ty cổ phần cảng N trả lãi cho ông T, bà T, ông H số tiền lãi trên dư nợ gốc từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử 28/11/2018 với mức lãi suất 7,5%/năm và tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 7,5%/năm từ ngày 29/11/2018 đến khi trả hết nợ trên số dư nợ gốc chậm trả.

**Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H trình bày:* Công ty cổ phần cảng N không ủy quyền cho ông H ký hợp đồng vay tiền với ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Diệu T và ông Hoàng H. Theo thông báo số 410/TCKT ngày 31/12/2011 của Công ty cổ phần cảng N thì Công ty có chủ trương vay vốn nhưng Công ty trực tiếp ký hợp đồng và có sổ theo dõi vay vốn. Ông H không được ủy quyền nhưng ký hợp đồng vay vốn phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc này. Công ty cổ phần cảng N không chấp nhận yêu cầu của ông S về việc trả nợ gốc và lãi cho ông T, bà T và ông Hoàng H.

Về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cảng N khi Công ty có nhiều chi nhánh.

Theo cách quản lý trước đây của Nhà nước báo cáo tài chính của Công ty mang tính tổng hợp không chi tiết, có phân cấp, phân quyền. Để biết báo cáo tài chính của Chi nhánh đúng hay sai thì Đoàn thanh tra kiểm toán khi phát hiện sai phạm phải xuất toán, Chi nhánh chịu trách nhiệm. Báo cáo hàng tháng, hàng quý, hàng năm của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N gửi cho Công ty cổ phần cảng N để Công ty tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ngày 31/12/2011 Công ty cổ phần cảng N ra thông báo số 410/TCKT về việc huy động vốn. Công ty cổ phần cảng N có văn bản ủy quyền số 400/UQ-KHĐT ngày 19/12/2011; giấy ủy quyền số 205A-UQ-ĐTNĐ ngày 09/8/2012, giấy ủy quyền số 292/UQ-ĐTNĐ ngày 06/11/2012. Nội dung ủy quyền này ông được sử dụng con dấu, tài khoản của chi nhánh, ký kết hợp đồng với chủ đầu tư, tổ chức thi công và mọi văn bản liên quan đến khi hoàn tất thủ tục thanh lý hợp đồng.

Các khoản tiền vay của ông T, bà T và ông H có khoản nộp tiền mặt vào Chi nhánh Công ty (có hóa đơn nộp tiền), có khoản tiền nộp vào tài khoản của Chi nhánh Công ty (thể hiện trong sổ phụ ngân hàng). Số tiền vay của ông T, bà T và ông H được Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N đưa vào báo cáo tài chính năm 2013 và năm 2014 mã số 334,331,311. Số tiền vay này Công ty cổ phần cảng N đã tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cảng N các năm 2013, năm 2014. Số tiền vay của ông T, bà T và ông H Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N đã chi cho công trình đường gom ở Đồng Nai là 450.000.000 đồng : Trong đó lấy từ tiền vay của ông T là 150.000.000 đồng, lấy từ tiền vay của bà T là 300.000.000 đồng. Số

tiền vay của ba người còn lại nêu trên chi cho công trình Tam Bạc, thị Cầu, Đồng Nai là 630.000.000 đồng trong đó lấy từ tiền vay của ông T là 550.000.000 đồng, lấy từ tiền vay của ông H là 80.000.000 đồng.

Các công trình xây dựng mới 3 cầu: Đồng Nai, Tam Bạc, Thị Cầu; công trình thuộc GĐ2 KH 1856 Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N đã thi công bàn giao cho chủ đầu tư (Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 và khu vực 3) vào năm 2014 công trình đã được quyết toán . Ông T, bà T, ông H đã nhiều lần đến đòi nợ nhưng do tiền công trình chưa có nên ông khất nợ. Những người này đến nhà ông đòi nợ gây khó khăn cho ông và gia đình ông. Đến tháng 01 năm 2017 chủ đầu tư đã trả hết số tiền nợ công trình cho Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N với số tiền là 15.874.737.160 đồng (có xác nhận của chủ đầu tư). Ông đã nhiều lần báo cáo lên Công ty về việc tiền công trình về phải trả nợ cho chủ nợ song Công ty cổ phần cảng N không trả nợ. Ông xác định việc vay nợ ông T , bà T, ông H là có căn cứ , số tiền vay đã sử dụng vào thi công công trình, nay tiền công trình đã về ông đề nghị Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho ông T, bà T và ông H.

Tại bản án số 15/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ vào các Điều 216, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 87, điểm b khoản 1 Điều 142 và các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 04/2003/NQ- HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Diệu T và ông Hoàng H.

1.1 Buộc Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 881.996.551đồng (Tám trăm tám mươi mốt triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng): Trong đó nợ gốc là 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng), nợ lãi là 181.996.551đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng).

1.2 Buộc Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho bà Vũ Diệu T số tiền 389.419.471đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng): Trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), nợ lãi là 89.419.471đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng).

1.3 Buộc Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho ông Hoàng H số tiền là 112.133.900đồng (Một trăm mười hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng): Trong đó nợ gố là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), nợ lãi là 32.133.900đồng (Ba mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày 29/11/2018 Công ty cổ phần cảng N còn phải trả nợ lãi cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Diệu T và ông Hoàng H với mức lãi suất 7,5%/năm trên số dư nợ gốc của ông T là 700.000.000đông, trên số dư nợ gốc của bà T là 300.000.000đồng, trên số dư nợ gốc của ông H là 80.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Án phí:

2.1. Buộc Công ty cổ phần cảng N nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ ông T là 38.459.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng); Công ty cổ phần cảng N nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ trả nợ bà T là 19.470.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); Công ty cổ phần cảng N nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ trả nợ ông Hoàng h là 5.606.000 đồng (Năm triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng)

2.2 Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000824 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình .

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Diệu T số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000820 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình .

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng H số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000821 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình .

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/12/2018 Công ty cổ phần cảng N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình với lý do hợp đồng không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, không có uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật cho phép chi nhánh và ông Nguyễn Thanh H được ký hợp đồng, như vậy hợp đồng này đương nhiên vô hiệu theo quy định; Toà án nhân dân thành phố N áp dụng Nghị quyết số 04/2013 là không đúng với thực tế; Ông H ký kết hợp đồng vay có nhiều sai phạm, thiếu minh bạch, thiếu rõ ràng, không tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty.

Tại phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị trả cho nguyên đơn 60% khoản tiền nợ gốc cho các nguyên đơn, nếu không đồng ý thì ông Nguyễn Thanh H phải có thanh toán cho các nguyên đơn và bị đơn sẽ thanh toán lại cho ông H khi ông H cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Ông Nguyễn Xuân S có quan điểm: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không nhất trí với quan điểm thanh toán 60% khoản nợ gốc cho các nguyên đơn như quan điểm của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh H có quan điểm: Không chấp nhận ý kiến của bà H, đề nghị toà cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần cảng N phải nộp 300.000đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về đường lối giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N nằm trong hạn luật định, đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty cổ phần cảng N và Ban quản lý án đường sắt các khu vực, cụ thể:

Ngày 23/12/2011 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 (bên A) và Công ty TNHH MTV vận tảo xếp dỡ đường thuỷ nội địa (bên B) (Nay là Công ty cổ phần cảng N) có ký HĐKT số 16/2011/HĐKT về việc đảm bảo giao thông đường thuỷ: Xây dựng mới 2 cầu đường bộ Tam Bạc và Thị Cầu; Sửa chữa gia cố cải tạo 2 cầu chung (Tam Bạc và Thị cầu) thuộc công trình xây dựng mới 3 cầu theo lện khẩn cấp: Đồng Nai, Tam Bạc, Thị Cầu. Khi ký hợp đồng bên B người nhận uỷ quyền là ông Nguyễn Thanh H, giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV vận tảo xếp dỡ đường thuỷ nội địa cùng ký hợp đồng (theo giấy uỷ quyền số 400/UQ-HĐKT ngày 19/12/2011 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV vận tải xếp dỡ đường thuỷ nội địa).

Ngày 26/9/2012 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 (bên A) và Công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thuỷ nội địa (bên B) (Nay là Công ty cổ phần cảng N) có ký hợp đồng thi công công trình số 11/2012/HĐKT về việc xây dựng 3 hầm chui thuộc công trình xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2 kế

hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp. Khi ký hợp đồng bên B người nhận uỷ quyền là ông Nguyễn Thanh H, giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thuỷ nội địa cùng ký hợp đồng (theo các giấy uỷ quyền số 400/UQ-HĐKT ngày 19/12/2011 của Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV vận tải xếp dỡ đường thuỷ nội địa; số 292 ngày 06/11/2012; số 205A ngày 9/8/2012).

Quá trình thi công công trình Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N vay ông Nguyễn Văn T 4 lần với tổng số tiền vay là 700.000.000 đồng, vay ông Hoàng H 2 lần với tổng số tiền gốc là 80.000.000 đồng, vay bà Vũ Diệu T số tiền là 300.000.000đồng

Chi nhánh Công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thuỷ nội địa được thành lập theo Giấy CNĐKKD số 0116001059 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/11/2008, là người được uỷ quyền của Công ty cổ phần cảng N thực hiện các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Ban quản lý dự án đường sắt 1, Ban quản lý dự án đường sắt 3 và Công ty cổ phần cảng N. Để lấy vốn thực hiện cách hợp đồng kinh tế trên, Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N đã thực hiện các hợp đồng vay vốn với các ông Nguyễn Văn T, ông Hoàng H và bà Vũ Diệu T, việc ký kết hợp đồng vay hoàn toàn đúng pháp luật vì Công ty cổ phần cảng N có chủ trương bằng văn bản về việc huy động vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh, và uỷ quyền cho Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N được sử dụng con dấu, tài khoản để giao dịch, thương thảo, ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng tín dụng và các văn bản khác với ban quản lý dự án đường sắt. Sau khi hoàn thành các công trình, Ban quản lý dự án đường sắt 1 và Ban quản lý dự án đường sắt 3 đã thanh toán hết số tiền còn nợ về tài khoản của Chi nhánh công ty cổ phần cảng N từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2017 với tổng số tiền là 15.847.737.160đồng (cụ thể: ngày 6/01/2017 và ngày 10/01/2017 Ban quản lý dự án đường sắt 1, 3 chuyển 5.972.041.000đ; ngày 13/01/2017 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 3 chuyển 8.223.082đ; ngày 17/4/2017 Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 2 chuyển 1.679.614.160đ) , tuy nhiên con dấu do Công ty cổ phần cảng N thu giữ năm 2015 nên Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N không thể thanh toán cho các ông T, ông H và bà T và số tiền 15.100.000.000đ được chuyển khoản từ tài khoản của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N về tài khoản của Tổng công ty vận tải thuỷ ngày 22/12/2017. Toàn bộ việc ký kết hợp đồng, thanh toán, đối chiếu công nợ giữa Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N với các ông Hoàng H, ông Nguyễn văn T và bà Vũ Diệu T đều được Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N báo cáo với Công ty cổ phần cảng N và trong báo cáo tài chính năm 2012, 2013 số tiền chuyển đến, tiền thanh toán cho công trình đều được thể hiện được tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cảng N. Cục thuế tỉnh Ninh bình đã cung cấp cho Toà án báo cáo tài chính Công ty cổ phần cảng N từ các năm 2012 đến năm 2017. Ông Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cảng N đã chấp thuận báo cáo tài chính Công ty cổ phần cảng N các năm 2012, 2013, 2014 do Cục thuế tỉnh cung cấp cho Toà án.

Điều 45 Luật doanh nghiệp quy định: " Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền..''; cũng tại khoản 6 Điều 84 Bộ luật dân sự quy định: " Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh xác lập, thực hiện". Do vậy Công ty cổ phần cảng N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ ông Nguyễn T, ông Hoàng H, bà Vũ Diệu T là có căn

cứ, toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T, ông Hoàng H, bà Vũ Diệu T đối với bị đơn là Công ty cổ phần cảng N là đúng pháp luật.

Về lãi suất: Việc tính số tiền lãi của các nguyên đơn đối với các hợp đồng vay theo đúng thoả thuận giữa hai bên và đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về số tiền lãi tính từ ngày 01/01/2016 đến khi trả hết số tiền nợ gốc nguyên đơn đưa ra mức lãi xuất là 7,5%/năm là hoàn toàn tự nguyện, không trái với các quy định của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Toà án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng, đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ra bản án đúng pháp luật, tại phiên toà hôm nay Công ty cổ phần cảng N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần cảng N phải chịu số tiền án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N.

Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

1. Buộc Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho ông Nguyễn Văn T số tiền 881.996.551đồng (Tám trăm tám mươi mốt triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng): Trong đó nợ gốc là 700.000.000đồng (bảy trăm triệu đồng), nợ lãi là 181.996.551đồng (Một trăm tám mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi mốt đồng).

- Buộc Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho bà Vũ Diệu T số tiền 389.419.471đồng (Ba trăm tám mươi chín triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng): Trong đó nợ gốc là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng), nợ lãi là 89.419.471đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm bảy mươi mốt đồng).

- Buộc Công ty cổ phần cảng N trả nợ cho ông Hoàng H số tiền là 112.133.900đồng (Một trăm mười hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng): Trong đó nợ gố là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) , nợ lãi là 32.133.900đồng (Ba mươi hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày 29/11/2018 Công ty cổ phần cảng N còn phải trả nợ lãi cho ông Nguyễn Văn T, bà Vũ Diệu T và ông Hoàng H với mức lãi suất 7,5%/năm trên số dư nợ gốc của ông T là 700.000.000đồng, trên số dư nợ gốc của bà T là 300.000.000đồng, trên số dư nợ gốc của ông H là 80.000.000đồng cho đến khi trả hết nợ.

2. Án phí:

2.1 Án dân sự sơ thẩm:

- Buộc Công ty cổ phần cảng N nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ ông T là 38.459.000 đồng (Ba mươi tám triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng); Công ty cổ phần cảng N nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ trả nợ bà T là 19.470.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); Công ty cổ phần cảng N nộp án phí dân sự sơ thẩm phần nghĩa vụ trả nợ ông Hoàng h là 5.606.000 đồng (Nam triệu sáu trăm linh sáu nghìn đồng)

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn T số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000824 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình .

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Diệu T số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000820 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình .

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng H số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000821 ngày 05/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình .

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần cảng N phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000986 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án được quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2019.

Nơi nhận: **TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục Thi hành án DS tỉnh NB;
-TAND tp N;
-Chi cục THADS tp N;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Khôi